

Bản án số: 147/2021/HS-ST
Ngày: 03 – 11 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Phước

Bà Trần Thị Đỗi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Huệ – Kiểm sát viên;

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 97/2021/TLST-HS, ngày 05 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXXST – HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn L. Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1997; Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không.

Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Không có; Chức vụ: Không có.

Họ và tên cha: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1963 (sống).

Họ và tên mẹ: Phạm Thị Đ, sinh năm: 1964 (sống).

Anh, chị, em ruột: Có 02 người, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992.

Bản thân chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An từ ngày 06/4/2021 đến ngày 25/8/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

- Bị hại: Cháu Đoàn Thị Mỹ H, sinh ngày 31/10/2007 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho cháu Đoàn Thị Mỹ H: Bà Đoàn Thị Thùy D, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu vực T 2, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Lê Trung T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

+ Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp B 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Đào Kim Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 29D, đường T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Ông Dương Tân T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp B 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

+ Ông Trần Bằng P, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp B 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

+ Ông Lê Hoài N, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu vực 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tháng 01/2020, bị cáo Nguyễn Văn L xin vào làm nhân viên cho Công ty Liễn Quán. Đến tháng 4/2020, bị cáo L quen biết với cháu Đoàn Thị Mỹ H, sinh ngày 31/10/2007 làm chung Công ty với vị cáo L. Sau đó, giữa cháu H và bị cáo L nảy sinh tình cảm yêu thương với nhau.

Đến khoảng 08 giờ ngày 16/5/2020, bị cáo L đến phòng số 23 nhà trọ Tú Sương mà gia đình cháu H thuê để chơi. Lúc này, gia đình cháu H đi vắng, trong phòng chỉ còn bị cáo L và cháu H cùng với một người em 03 tuổi của H. Sau khi nói chuyện với nhau được một lúc, bị cáo L thực hiện hành vi giao cấu với cháu H tại phòng trọ này.

Đến ngày 05/6/2020, bà Đoàn Thị Thùy D là mẹ ruột của cháu H biết được bị cáo L và cháu H có tình cảm yêu thương với nhau nên ngăn cản. Sau đó, bà D đuổi cháu H ra khỏi phòng trọ, bị cáo L đưa cháu H về phòng trọ số 12 nhà trọ Nhựt Thanh mà bị cáo L đã thuê để ở. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo L thực hiện hành vi giao cấu với cháu H. Trong thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020, bị cáo L và cháu H chung sống với nhau trung bình mỗi tuần bị cáo L thực hiện hành vi giao cấu với cháu H 02 lần.

Đến khoảng 23 giờ ngày 24/12/2020, bị cáo L thực hiện hành vi giao cấu với cháu H. Sau đó, bị cáo L và cháu H xảy ra mâu thuẫn, cự cãi lẫn nhau nên cháu H bỏ đi về phòng trọ của bà D ở. Đến ngày 25/12/2020, bà D làm đơn tố cáo gửi đến Công an xã Đ yêu cầu xử lý hành vi của bị cáo L.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 59/TD.20-PY ngày 31/12/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Long An kết luận:

“Đoàn Thị Mỹ H, sinh ngày 31/10/2007, nơi cư trú: Khu vực T 2, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Màng trinh dạng răng cưa, rách cũ sát chân màng trinh vị trí 3 giờ, 6 giờ, 9 giờ, màng trinh dẫn rộng đứt lọt dễ dàng hai ngón tay không tổn thương vú, âm đạo, âm hộ, tầng sinh môn, vùng bẹn đùi.

Hiện không có thai”.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1429/C09B ngày 09/3/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Viện khoa học hình sự kết luận:

“Qua quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 03 năm 2021) Đoàn Thị Mỹ H có độ tuổi từ 14 năm 04 tháng đến 14 năm 10 tháng.”.

Tại bản cáo trạng số 99/CT – VKSĐH ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Bị hại là cháu Đoàn Thị Mỹ H trình bày: Khoảng tháng 4/2020, cháu H đi làm tại Công ty Liễn Quán và có nảy sinh tình cảm với bị cáo Nguyễn Văn L. Đến khoảng tháng 5/2020, L có đề nghị quan hệ tình dục với cháu H và được cháu H đồng ý. Đến tháng 6/2020, mẹ cháu H phát hiện và đuổi cháu H khỏi phòng trọ thì bị cáo L dẫn cháu H về sống tại phòng trọ của bị cáo L. Quá trình chung sống, bị cáo L đã nhiều lần quan hệ tình dục với cháu H, lần quan hệ tình dục cuối cùng vào ngày 24/12/2020. Cháu H yêu cầu bị cáo L bồi thường về trách nhiệm dân sự gồm chi phí đi lại là 10.000.000đồng và tổn thất về tinh thần với số tiền là 90.000.000đồng. Tổng số tiền cháu H yêu cầu bị cáo L bồi thường là 100.000.000đồng.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Đoàn Thị Mỹ H là bà Đoàn Thị Thùy D trình bày: Bà là mẹ ruột của cháu Đoàn Thị Mỹ H. Khoảng tháng 5/2020, bị cáo L có quan hệ tình dục với cháu H, sau khi bà phát hiện thì bị cáo L dẫn cháu H về phòng trọ của bị cáo L để sống như vợ chồng. Đến ngày 24/12/2020, bị cáo L đánh cháu H và cháu H về phòng trọ của bà để sống và bà đã làm đơn tố cáo hành vi của bị cáo L. Bà là người đại diện hợp pháp cho cháu H, bà thống nhất đối với yêu cầu bồi thường của cháu H là yêu cầu bị cáo L bồi thường về trách nhiệm dân sự gồm chi phí đi lại là 10.000.000đồng và tổn thất về tinh thần là 90.000.000đồng, tổng số tiền là 100.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông là cha ruột của bị cáo Nguyễn Văn L, ông biết việc bị cáo L có quan hệ tình cảm với cháu H. Tháng 10/2020, gia đình cháu H có mời gia đình ông sang chơi để hai bên biết mặt nhau. Bị cáo L chung sống như vợ chồng với cháu H từ tháng 6/2020 đến ngày 24/12/2020 thì cả hai xảy ra mâu thuẫn, bà D viết đơn tố cáo con của ông. Ông không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Ông quản lý nhà trọ Nhựt Thanh, vào khoảng tháng 6/2020 bị cáo L có dẫn cháu H về chung sống như vợ chồng tại phòng số 12. Do bị cáo L đã trả phòng và không thuê nữa nên ông không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo L.

Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Nguyễn Văn L gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đoàn Thị Mỹ H và người đại diện hợp pháp bị hại là bà Đoàn Thị Thùy D yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí khám bệnh, chi phí đi lại trong quá trình làm việc với cơ quan chức năng là 10.000.000đồng và tổn thất tinh thần với số tiền 90.000.000đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 100.000.000đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L và người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện thống nhất mức bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 100.000.000đồng, phù hợp với Điều 592 Bộ luật Dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Lê Trung T phát biểu: Về trách nhiệm hình sự, thống nhất với quan điểm luận tội, hình phạt và mức hình phạt do Viện kiểm sát đề nghị. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về mức bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với đại diện hợp pháp của bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng là hối hận về hành vi phạm tội của mình chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về lo làm ăn, sửa đổi để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

[1.2.1]. Đối với ông Nguyễn Ngọc H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin vắng mặt. Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến

vụ án tuy vắng nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ, vụ án không có tình tiết mâu thuẫn so với lời nhận tội của bị cáo nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[1.2.2]. Đối với bà Đào Kim Đ, ông Dương Tấn T, ông Trần Bằng P, ông Lê Hoài N là người làm chứng vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. *Hành vi phạm tội của bị cáo:*

[2.1]. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn L trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 29/12/2020; Biên bản xác định địa điểm; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Bản ảnh xác định địa điểm; Biên bản nhận dạng; Bản ảnh nhận dạng; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng với bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 59/TD.20-PY ngày 31/12/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Long An và bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1429/C09B ngày 09/3/2021 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Viện khoa học hình sự.

Thấy rằng, khoảng tháng 05 năm 2020, bị cáo L và Đoàn Thị Mỹ H làm chung Công ty Liễn Quán nên nảy sinh tình cảm yêu thương với nhau. Khoảng 08 giờ ngày 16/5/2020, bị cáo L đến phòng trọ của gia đình H chơi. Lúc này, gia đình H đi vắng, trong phòng chỉ có L và H cùng với người em 03 tuổi của H. Sau khi nói chuyện với nhau được một lúc, L thực hiện hành vi giao cấu với H tại phòng trọ này, lúc này H có độ tuổi từ 13 năm 06 tháng đến 14 năm. Sau khi mẹ ruột của H biết được bị cáo L và H có tình cảm yêu thương với nhau nên đã đuổi H ra khỏi phòng trọ. Bị cáo L đã đưa H về phòng trọ Nhựt Thanh để ở và thực hiện hành vi giao cấu với H. Trong thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020, bị cáo L và H chung sống với nhau, trung bình mỗi tuần bị cáo L thực hiện hành vi giao cấu với H 02 lần và được sự đồng ý của H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” với tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Văn L theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[2.2]. Hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Nguyễn Văn L gây ra là nguy hiểm. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, sức khỏe của Đoàn Thị Mỹ H mà còn xâm phạm quá trình phát triển bình thường của trẻ vị thành niên, gây hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự; và áp dụng mức hình phạt tương xứng.

[3]. *Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng:*

[3.1]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L luôn thành khẩn khai báo, bị cáo có cha là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3.3]. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L với mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù là có căn cứ. Vì vậy, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để có mức án phù hợp với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện thông nhất mức bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 100.000.000 đồng, phù hợp với Điều 592 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 592 Bộ luật Dân sự; Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội " Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi ".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2021 đến ngày 25/8/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường cho bị hại Đoàn Thị Mỹ H (do bà Đoàn Thị Thùy D là người đại diện hợp pháp) số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Cơ quan thi hành hình sự huyện Đức Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Quốc